TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16 /2020/ DS-PT

Ngày 16-4-2020.

V/v tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Quyết.

Các Thẩm phán:

1. Ông Hà Văn Nâu.
2. Bà Trần Thị Hà.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Hải Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.
- *Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà:* Ông Lương Thất Tùng, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Ngày 16 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2019/TLPT-DS, ngày 12 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXX-PT ngày 08 tháng 01 năm 2020, Quyết định Hoãn phiên tòa số:11 ngày 05/02/**2019,** Quyết định Tạm ngừng phiên tòa số: 05 ngày 19/02/2**019** và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 06 ngày 18/3/**2019;** giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị S, sinh năm 1948 (có mặt).

Địa chỉ: Bản X, xã Y, huyện Z, tỉnh Bắc Giang.

* Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà S: Bà Giáp Thị V- Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Giang (có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: Bản X, xã Y, huyện Z, tỉnh Bắc Giang.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Bản X, xã Y, huyện Z, tỉnh Bắc Giang.

* Người làm chứng: Anh Trần Hữu T, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Bản X, xã y, huyện Z, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, các đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa, Bà Phạm Thị S trình bầy: Bà là mẹ vợ của anh Nguyễn Văn C (anh C lấy

chị H là con gái của bà). Từ năm 2005 vợ chồng anh C và chị H chuyển đến sống cùng nhà với bà tại thửa đất số 24 tờ bản đồ số 13, địa chỉ: Bản X, xã Y, huyện Z, tỉnh Bắc Giang. Đến ngày 30-6-2006 âm lịch thì anh C có hỏi mua của bà một mảnh đất có chiều rộng là 5m mặt đường, chiều sâu là 33 m nhưng bà chỉ bán cho anh C chiều sâu 10m. Thửa đất anh C hỏi mua có phía đông giáp nhà bà đang ở, phía tây giáp nhà chị Bùi Thị Xuân, phía nam giáp đường giao thông, phía bắc giáp phần đất còn lại của bà. Khi mua bán hai bên thỏa thuận giá theo giá thị trường, nếu bà bán được mảnh bên cạnh giá bao nhiêu thì anh C phải trả bà bấy nhiêu. Bà và anh C có thỏa thuận là trong thời hạn 02 năm (tức là đến tháng 6 năm 2008 âm) thì anh C phải trả bà một nửa tiền, còn đến tháng 6 năm 2010 âm thì anh C phải trả lại bà toàn bộ số tiền chuyển nhượng, khi nào trả hết tiền thì bà sẽ làm thủ tục chuyển nhượng và sang tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh C. Khi chuyển nhượng đất thì chị Đỗ Thị Hiền là vợ của anh C không hề tham gia vào việc chuyển nhượng đất. Khi bà và anh C lập giấy chuyển nhượng đất thì có anh T (bà không rõ họ tên và năm sinh) người bản Chay, Canh Nậu, huyện Yên Thế chứng kiến. Từ năm 2006 đến nay anh C không trả bà đồng nào tiền mua đất nên bà không bán đất cho anh C nữa. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Yêu cầu anh C trả bà mảnh đất có chiều rộng 5 m, chiều dài khoảng 33 m và toàn bộ hành lang của thửa đất có tứ cận như sau: Phía nam giáp mặt đường giao thông, phía đông giáp nhà chị Đỗ Thị Sinh (hiện nay chị Sinh đã bán cho anh Nguyễn Quang Trung), phía tây giáp nhà bà S đang ở, phía bắc giáp núi nằm trong thửa đất số 24, tờ bản đồ số 13 xã X, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Yêu cầu anh C phải bồi thường giá trị các cây cối gồm: 07 cây xoan; 02 cây vải; 10 cây dứa; 20 cây chè; 07 gốc chuối tổng trị giá 2.828.000 đồng (hai triệu tám trăm hai mươi tám nghìn đồng).

- Yêu cầu anh C phải bồi thường giá trị cây cối lâm lộc sinh trưởng là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

- Yêu cầu anh C phải bồi thường giá trị đất trong thời gian anh C chiếm hữu đất bà không sử dụng được với giá cho thuê là 500.000 đồng/tháng, thời gian là 13 năm 3 tháng, tổng số tiền 79.500.000 đồng (Bảy mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng).

- Yêu cầu anh C phải bồi thường tiền công bà đi đến Tòa án nhân dân cấp cao và Tòa án nhân dân Tối cao để khiếu kiện đòi lại đất là 8.762.000 đồng; tiền công đi lại ở Tòa án nhân dân huyện Hvà Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang từ năm 2008 cho đến nay là 10.000.000 đồng.

- Yêu cầu anh C bồi thường tổn thất tinh thần, sức khỏe do bà phải đi lại khởi kiện đối với anh C là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

- Yêu cầu anh C bồi thường cho bà 2.000.000 đồng do anh C có hành vi bóp cổ bà.

Chứng cứ bà S đưa ra để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình là: Giấy

biên nhận chuyển nhượng đất cho anh C đề ngày 30-6-2006 âm lịch, các giấy biên nhận đơn của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân Cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao.

Trước khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bà S rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu anh C phải bồi thường giá trị các cây cối số tiền 2.828.000 đồng (Hai triệu tám trăm hai mươi tám nghìn đồng), rút yêu cầu anh C phải bồi thường giá trị cây cối lâm lộc sinh trưởng là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), rút yêu cầu anh C phải bồi thường cho bà số tiền 2.000.000 đồng do anh C có hành vi bóp cổ bà.

* Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo, anh Nguyễn Văn C trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị H là con gái bà S vào năm 1991. Năm 1996 chị H đi chợ bán hàng có gửi bà S 1.500.000 đồng để bà S giữ hộ nhưng sau đó bà S đã tiêu hết nên vợ chồng anh đã cho bà vay số tiền trên. Đến năm 2003 do không có tiền để trả nên bà S có làm giấy gán nợ số tiền 1.500.000 đồng cho anh một thửa đất có chiều rộng là 05 m, chiều sâu hết đất. Vị trí ô đất bà gán nợ chính là ô đất hiện chị Lương đang ở bây giờ, còn chị Lương ở ô đất hiện anh đang làm quán bây giờ. Sau đó, do anh Thìn chồng chị Lương hay say rượu nên bà S đã đổi ô đất của anh và chị Lương cho nhau, anh sử dụng ô đất hiện nay đang làm quán. Đến tháng 6-2006 khi anh đang xây quán trên đất, lúc này đã xây bằng khẩu thì có ý định mua thêm một ô nữa để bán hàng. Anh có sang nhà hỏi mua bà S một ô đất giáp với ô đất vợ chồng đang làm quán (chính là ô đất bà S xây nhà ống và ở hiện nay) thì bà S đồng ý. Hai bên lập giấy biên nhận chuyển nhượng đất ngày 30-6-2006 âm lịch, có anh Trần Hữu T chứng kiến. Nội dung mua bán đất bà S bán cho anh ô đất có chiều rộng 5m mặt đường liền nhau với ô đất vợ chồng anh đã làm quán (nằm trong phần đất hiện bà S đang quản lý, sử dụng). Tuy nhiên, lúc đó anh không có tiền và mẹ con mâu thuẫn nên anh chưa trả tiền cho bà S, đất vẫn do bà S quản lý sử dụng từ trước đến nay nên bà S khởi kiện đòi anh trả đất thì anh không đồng ý. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà về cây cối lâm lộc trên đất, bồi thường số tiền 2.000.000 đồng thì bà đã rút yêu cầu khởi kiện, anh không có ý kiến gì. Đối với yêu cầu bồi thường giá trị đất 79.000.000 đồng, yêu cầu bồi thường chi phí đi lại 18.762.000 đồng và tiền tổn thất tinh thần 10.000.000 đồng thì anh không đồng ý vì anh không sử dụng đất đã mua của bà.

* Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo, chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị là con gái của bà S và là vợ của anh C. Việc mua bán đất ngày 30-6-2006 âm lịch thì chỉ có anh C và bà S tham gia, chị không trực tham gia nhưng chị thấy lời khai của anh C là hoàn toàn đúng, chị không sửa đổi, bổ sung gì. Chị không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của bà S.

* Tại bản tự khai anh Trần Hữu T trình bày: Vào năm 2006, khi anh C và chị

H đang xây tường để làm quán thì tôi có đến chơi và xây hộ. Tôi cùng với anh C sang nhà bà S hỏi mua thêm 01 ô đất có chiều rộng khoảng 5 m mặt đường giáp với quán đã xây, (nằm trong phần đất hiện bà S đã làm nhà ống, lúc này trên đất có khoảng 1,5 gian nhà cũ của bà S). Khi thỏa thuận mua bán, bà S có bảo là sau này bà sẽ làm nhà ống nên khi nào anh C trả tiền mua đất thì bà sẽ phá nhà đi và làm sổ đỏ cho anh C. Tôi xác định ô đất anh C hỏi mua của bà S ngày 30-6-2006 chính là ô đất hiện nay bà S đã làm nhà ống, còn ô đất anh C đã làm quán thì tôi không biết hai bên mua bán, chuyển nhượng hoặc tặng cho như thế nào.

* Ý kiến của Bà Giáp Thị V- người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà S: Bà S khởi kiện đòi đất anh C mà bà đã bán tại giấy biên nhận chuyển nhượng đất ngày 30-6-2006 âm lịch. Về hình thức hợp đồng không đúng, không công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật, chưa làm thủ tục chuyển nhượng tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Về nội dung giấy biên nhận chuyển nhượng đất không ghi rõ vị trí đất mua bán, các cạnh tiếp giáp, giá chuyển nhượng, thời hạn chuyển giao đất, anh C chưa trả tiền cho bà S nên hợp đồng này la vô hiệu, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S, buộc anh C phải trả đất cho bà S.

Đối với các yêu cầu khởi kiện bà S đã rút thì đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ.

Đối với yêu cầu của Bà S về việc đòi giá trị đất với mức 79.500.000 đồng thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S.

Đối với yêu cầu bồi thường về tổn thất tinh thần, sức khỏe, bồi thường tiền công đi lại khởi kiện thì đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Với nội dung trên; Tòa án nhân dân huyện H đã Quyết định:

Căn cứ vào quy định tại khoản 3, khoản 6 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điểm b khoản 1 Điều 92; Khoản 2 Điều 227; Điều 229; Điều 271; Điều 273; Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 192; điểm c, điểm g khoản 1 Điều 217, Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589, Điều 590, Điều 688 của Bộ luật dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Bà Phạm Thị S về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn C trả mảnh đất có chiều rộng 5m, chiều dài 33,2 m và toàn bộ hành lang của thửa đất có tứ cận như sau: Phía nam giáp mặt đường giao thông, phía đông giáp nhà chị Đỗ Thị Sinh (hiện nay chị Sinh đã bán cho anh Nguyễn Quang Trung), phía tây giáp nhà bà S đang ở, phía bắc giáp núi nằm trong thửa đất số 24, tờ bản đồ số 13 xã X, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà S về việc yêu cầu anh C phải bồi thường giá trị các cây cối số tiền 2.828.000 đồng (Hai triệu tám trăm hai mươi tám nghìn đồng), yêu cầu anh C phải bồi thường giá trị cây cối lâm lộc sinh trưởng là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), yêu cầu anh C bồi thường số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) do anh C có hành vi bóp cổ bà.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Phạm Thị S về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn C phải bồi thường giá trị đất trong thời gian 13 năm 03 tháng số tiền là 79.500.000 đồng (Bẩy mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng), yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần, sức khỏe là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), tiền công đi lại khởi kiện là 18.762.000 đồng (Mười tám triệu bẩy trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

Ngoài ra còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17/10/2019 bà S làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án 28/2019/DSST ngày 08/10/2019 của TAND huyện H.

Tại phiên tòa phúc thẩm; Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Bà S và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà S trình bày : Bà S khẳng định,từ trước đến nay bà vẫn chỉ có một yêu cầu duy nhất là đòi lại quyền sử dụng diện tích đất mà hiện tại anh C và chị H đang quản lý, sử dụng (đất này vẫn đang nằm trong giấy chứng nhận QSD đất mang tên bà). Ngoài ra không còn diện tích đất nào khác và bà cũng thừa nhận là đã nhận đủ số tiền 2.828.000 đồng do vợ chồng anh C, chị H trả cho bà tiền bồi thường cây cối, lâm lộc của bà có trên đất đó vì vậy bà rút yêu cầu này. Nay bà S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và một phần nội dung kháng cáo. Đồng thời bà và luật sư đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm, kiến nghị và hướng dẫn để bà S thực hiện theo trình tự Giám đốc thẩm đối với bản án số: 30 ngày 15/5/2009 của TAND tỉnh Bắc Giang.

Anh C và chị Hền trình bày: Lô đất mà anh chị đang ở là do việc gán nợ do năm 1996 bà S có nợ chị H số tiền là 1.500.000 đồng, việc gán nợ này được thể hiện tại văn bản xác lập ngày 18/4/2003 do bà S trực tiếp viết, có chữ ký của các thành viên trong gia đình và có xác nhận của chính quyền địa phương. Còn lô đất mà anh C định mua thêm chính là một phần diện tích đất giáp với đất mà anh chị đang ở (hiện tại bà S đang quản lý sử dụng, các bên chưa giao đất và cũng chưa trả tiền). Nay bà S khởi kiện đòi lại đất thì anh chị không đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và HĐXX tại phiên tòa cũng như các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308-BLTTDS xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà S, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế. Miễn án phí phúc thẩm cho bà S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên toà. Xét nội dung kháng cáo của bà S, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét về các giai đoạn mà bà S khởi kiện tại tòa án thì thấy; về nội dung, yêu cầu khởi kiện và đối tượng khởi kiện từ trước đến nay vẫn chỉ là lô đất có diện tích

166m2 có chiều rộng = 5 mét, chiều dài = 33,2 mét (chưa trừ hành lang giao thông) theo biên bản thẩm định, định giá ngày 05 và ngày 14/6/2019; diện tích đất này hiện anh C và chị H đang quản lý, sử dụng; các giai đoạn khởi kiện và giải quyết được thể hiện như sau:

- Bản án sơ thẩm số 12/2008/DS-ST ngày 01/12/2008 của TAND huyện H; Quyết định: Bác đơn khởi kiện của bà S kiện đòi lô đất bán cho anh C chị H theo Giấy chuyển nhượng (có sự chứng kiến của anh Trần Hữu T) năm 2006 (có kháng cáo).

- Bản án phúc thẩm số 30/2009/DS-PT ngày 15/5/2009 của TAND tỉnh Bắc Giang; Quyết định: Bác đơn khởi kiện của bà S kiện đòi lô đất bán cho anh C chị H theo Giấy chuyển nhượng (có sự chứng kiến của anh Trần Hữu T) năm 2006 (hai bản án này đã có hiệu lực pháp luật).

- Bản án số 03/2011/DSST ngày 18/4/2011 của TAND huyện H.

Quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S, buộc anh C chị H phải trả lại bà S lô đất anh chị đang sử dụng, đã xây nhà theo bản di chúc bà S đã viết năm 2003.

- Bản án số 32/2011/DSPT ngày 14/7/2011 của TAND tỉnh Bắc Giang.

Quyết định: Hủy bản án sơ thẩm số 03/2011/DSST.

- Bản án số 07/2012/DSST ngày 31/7/2012 của TAND huyện H.

- Bản án số 23/2013/DSPT ngày 01/4/2013 của TAND tỉnh Bắc Giang.

- QĐGĐT số 37/2016/DS-GĐT ngày 30/8/2016 của TANDCC tại HN

QĐ: hủy bản án số 07 và bản án số 23 (như vậy hai bản án số 07 và số 03 chưa có hiệu lực pháp luạt).

- QĐĐC số 14/2017/QĐST-DS ngày 06/6/2017 của TAND huyện H;

- QĐ giải quyết kháng cáo đối với QĐ số 14/2017/QĐST-DS ngày 06/6/2017 số 04/2017/QĐ-PT ngày 30/8/2017 của TAND tỉnh Bắc Giang.

Quyết định: hủy QĐ số 14 ngày 06/6/2017 của TAND huyện H.

- QĐĐC số 11/2018/QĐST-DS ngày 19/4/2018 của TAND huyện H không có kháng cáo, kháng nghị.

- Bản án số 28/2019/DSST ngày 08/10/2019 của TAND huyện H

(Có kháng cáo của bà S).

Xét thấy:

Năm 2006 bà S và anh C có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, theo đó bà S bán cho anh C ô đất có chiều rộng là 5m mặt đường, liền nhau phía đông. Khi mua bán hai bên thỏa thuận giá theo giá thị trường, thời hạn trả tiền là đến tháng 6 năm 2008 âm thì anh C phải trả bà S một nửa tiền, còn đến tháng 6 năm 2010 âm thì anh C phải trả lại bà S toàn bộ số tiền chuyển nhượng, khi nào trả

hết tiền thì bà S sẽ làm thủ tục chuyển nhượng và sang tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh C. Nay bà S khởi kiện yêu cầu anh C trả bà thửa đất có chiều rộng 5m mặt đường, chiều dài 33m (Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 14-6-2019 thửa đất có chiều dài 5m, chiều rộng 33,2m), nằm trong thửa đất số 24, tờ bản đồ số 13 xã X (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà S), chính là thửa đất hiện anh C đã làm quán bán hàng, có tứ cận như sau: phía đông giáp nhà bà S đang ở, phía tây giáp nhà anh Nguyễn Quang Trung, phía nam giáp đường giao thông, phía bắc giáp núi. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án thu thập tài liệu chứng cứ thì thấy tại đơn khởi kiện đề ngày 11-6-2008 bà S đã khởi kiện anh C nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 12/2008/DS-ST ngày 01-12-2008 của Tòa án nhân dân huyện Hđã xử bác yêu cầu khởi kiện của bà S. Bà S đã kháng cáo bản án dân sự nêu trên. Tại bản án dân sự phúc thẩm số 30/2009/DS-PT ngày 15-5-2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã xử: Bác yêu cầu khởi kiện của Bà Phạm Thị S về việc đòi đất anh C, chị H. Hội đồng xét xử xét thấy: Về quan hệ tranh chấp, nội dung khởi kiện và đối tượng bị khởi kiện trong vụ án này đã được giải quyết bằng bản án dân sự sơ thẩm số 12/2008/DS-ST ngày 01-12-2008 và bản án dân sự phúc thẩm số 30/2009/DS-PT ngày 15-5-2009, hiện cả hai bản án đã có hiệu lực pháp luật nên cần đình chỉ yêu cầu khởi kiện này của bà S theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 217 và điểm c khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà S về việc yêu cầu anh C phải bồi thường giá trị các cây cối số tiền 2.828.000 đồng (Hai triệu tám trăm hai mươi tám nghìn đồng), yêu cầu anh C phải bồi thường giá trị cây cối lâm lộc sinh trưởng là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), yêu cầu anh C bồi thường 2.000.000 đồng do anh C bóp cổ bà, bà S đã rút các yêu cầu này nên cần đình chỉ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu của bà S về việc yêu cầu anh C bồi thường giá trị đất do bà không canh tác được trong thời gian 13 năm 3 tháng do anh C sử dụng đất với số tiền là 79.500.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận định: Tại bản án dân sự sơ thẩm số 12/2008/DS-ST ngày 01-12-2008 và bản án dân sự phúc thẩm số 30/2009/DS-PT ngày 15-5-2009 đã bác yêu cầu khởi kiện đòi đất của bà S với lý do anh C chưa trả tiền mua đất, chưa sử dụng đất của bà S mà đất vẫn do bà S quản lý sử dụng, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ những căn cứ trên khẳng định: Phần đất đang tranh chấp vẫn do bà S quản lý, sử dụng từ trước tới nay nên bà S không bị thiệt hại gì, do đó không phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 584 và Điều 590 của Bộ luật dân sự, vì vậy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S.

Đối với yêu cầu của bà S về việc đòi anh C bồi thường tiền tổn thất tinh thần 10.000.000 đồng, tiền công đi lại khởi kiện 18.762.000 đồng là không có căn cứ theo quy định tại Điều 584 của Bộ luật dân sự nên không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với yêu cầu đề nghị của luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn về việc kiến nghị và hướng dẫn cho bà S thực hiện theo trình tự Giám đốc thẩm đối với bản án số 30 ngày 15/5/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã có hiệu lực pháp luật, vấn đề này bà S có quyền thực hiện theo quy định của pháp luật.

Như vậy; Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của vụ án và đã ban hành bản án sơ thẩm số 28 ngày 08/10/2019 là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật. Do vậy kháng cáo của bà S là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

- Về án phí DSPT: Bà S thuộc đối tượng hộ nghèo, người cao tuổi, người có công với cách mạng nên được miễn toàn bộ tiền án phí. Do kháng cáo của bà S không được chấp nhận nên anh C, chị H không phải chịu tiền án phí.

Từ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: khoản 1 Điều 308 BLTTDS' Không chấp nhận kháng cáo của bà S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào quy định tại khoản 3, khoản 6 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điểm b khoản 1 Điều 92; Khoản 2 Điều 227; Điều 229; Điều 271; Điều 273; Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 192; điểm c, điểm g khoản 1 Điều 217, Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589, Điều 590, Điều 688 của Bộ luật dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Bà Phạm Thị S về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn C trả mảnh đất có chiều rộng 5m, chiều dài 33,2 m và toàn bộ hành lang của thửa đất có tứ cận như sau: Phía nam giáp mặt đường giao thông, phía đông giáp nhà chị Đỗ Thị Sinh (hiện nay chị Sinh đã bán cho anh Nguyễn Quang Trung), phía tây giáp nhà bà S đang ở, phía bắc giáp núi nằm trong thửa đất số 24, tờ bản đồ số 13 xã X, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà S về việc yêu cầu anh C phải bồi thường giá trị các cây cối số tiền 2.828.000 đồng (Hai triệu tám trăm hai mươi tám nghìn đồng), yêu cầu anh C phải bồi thường giá trị cây cối lâm lộc sinh trưởng là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), yêu cầu anh C bồi thường số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) do anh C có hành vi bóp cổ bà.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Phạm Thị S về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn C phải bồi thường giá trị đất trong thời gian 13 năm 03 tháng số tiền là 79.500.000 đồng (Bảy mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng), yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần, sức khỏe là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), tiền công đi lại khởi kiện là 18.762.000 đồng (Mười tám triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

3. Về tiền án phí: Bà Phạm Thị S được miễn toàn bộ tiền án phí DSPT. Anh Nguyễn Văn C, chị Đỗ Thị Hiền không phải chịu tiền án phí.

Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND huyện H, Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- CụcTHADS tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Quyết

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Hà Văn Nâu	Trần Thị Hà	Đặng Văn Quyết

Nơi nhận:
- TAND huyện H, Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- CụcTHADS tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Quyết